TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày: 16-3-2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Trang Phượng.

Ông Lê Quang Đầy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T (Ngân hàng, Sacombank).

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn C – Phó phòng, Phòng giao dịch huyện N *(Giấy ủy quyền V/v tham gia tố tụng số: 963/2022/UQ-CNCM ngày 28 tháng 11 năm 2022, xin vắng mặt).*

Địa chỉ: 109 N, Khóm 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp X, xã Đ, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, đại diện của Ngân hàng T trình bày yêu cầu:*

Ngày 09/01/2018, bà Nguyễn Thị X đã ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tại Ngân hàng T – Chi nhánh Cà Mau, chi tiết như sau:

Căn cứ thu nhập của bà Nguyễn Thị X, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng tổng hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà X đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 76.390.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Nguyễn Thị X đã thanh toán thẻ tín dụng cho Ngân hàng số tiền là 92.233.206 đồng. Đến tháng 05/2022, bà X thanh toán nợ chậm trễ. Qua nhiều lầm làm việc, nhắc nhỡ nhưng bà Nguyễn Thị X vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do bà X vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 31/6/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 15/3/2023, bà X còn nợ tổng số tiền là 70.005.701 đồng. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nay Ngân hàng T yêu cầu bà Nguyễn Thị X phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay gốc còn nợ là 50.000.000 đồng, lãi trong hạn là 13.337.134 đồng, lãi quá hạn là 6.668.567 đồng, tổng cộng là 70.005.701 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 16/3/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

* *Đối với bị đơn – Bà Nguyễn Thị X:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà bà X không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc Ngân hàng T khởi kiện. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà X vẫn vắng mặt 02 lần không có lý do.

* *Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng T yêu cầu bà Nguyễn Thị X thanh toán tiền vay gốc và lãi suất còn nợ trong hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự, quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", bà X cư trú tại ấp X, xã Đ, huyện Năm Căn nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Đối với bà Nguyễn Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị X.

Ông Phan Văn C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt đề ngày 15/3/2023, với lý do bận công việc cơ quan, đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung vụ án: Ngân hàng T cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vay vốn cho bà Nguyễn Thị X, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng tổng hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín

dụng, bà X đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 76.390.000 đồng. Đến tháng 05/2022, bà X thanh toán nợ chậm trễ dẫn đến các bên xảy ra tranh chấp.

* Xét hợp đồng vay:

Ngày 09/01/2018, bà Nguyễn Thị X đã ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) với Ngân hàng T – Chi nhánh Cà Mau, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng tổng hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà X đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 76.390.000 đồng, bà Nguyễn Thị X đã thanh toán thẻ tín dụng cho Ngân hàng số tiền là 92.233.206 đồng. Do bà X vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 31/6/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng T yêu cầu bà Nguyễn Thị X phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay gốc còn nợ là 50.000.000 đồng, lãi trong hạn là 13.337.134, lãi quá hạn là 6.668.567 đồng, tổng cộng là 70.005.701 đồng (tính đến ngày 15/3/2023). Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên xét xử vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, việc ký kết giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng giữa các đương sự là có thật và hợp pháp.

* Xét về yêu cầu thanh toán nợ của Ngân hàng*:*

Quá trình thực hiện hợp đồng phía Ngân hàng xác định bà X đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 76.390.000 đồng, bà Nguyễn Thị X đã thanh toán thẻ tín dụng cho Ngân hàng số tiền là 92.233.206 đồng. Do bà X vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 31/6/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng T yêu cầu bà Nguyễn Thị X phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền vay gốc còn nợ là 50.000.000 đồng, lãi trong hạn là 13.337.134 đồng, lãi quá hạn là 6.668.567 đồng, tổng cộng là 70.005.701 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 16/3/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng, bà X không có ý kiến phản hồi và không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc thanh toán số nợ vay nêu trên nên bà X phải gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh được, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị X đã vi phạm hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vốn và nợ lãi, vì vậy ngoài khoản nợ gốc mà bà X phải thanh toán cho phía Ngân hàng là 50.000.000 đồng, thì cần phải buộc bà X thanh toán về các khoản lãi trong hạn và lãi suất quá hạn được quy định trong hợp đồng tín dụng (thể hiện tại bản tự khai ngày 15/3/2023), cụ thể như sau:

- Lãi suất còn lại trong hạn với số tiền là 13.337.134 đồng.

- Lãi quá hạn là 6.668.567 đồng.

Vậy tổng số tiền vay và lãi mà bà X phải thanh toán cho Ngân hàng T tổng cộng bằng 70.005.701 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày ngày 16/3/2023, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

* Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng T được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Buộc bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T (Sacombank) số tiền nợ tổng cộng là 70.005.701 đồng *(Bảy mươi triệu không trăm linh năm nghìn bảy trăm linh một nghìn)*, trong đó tiền vốn vay là 50.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 13.337.134 đồng, lãi quá hạn là 6.668.567 đồng.

Kể từ ngày 16/3/2023, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí với số tiền 3.500.000 đồng.

Ngân hàng T được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.532.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015906 ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền